

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẠNG HIỂN TÔNG

QUYỂN 10

Phẩm 3: NÓI VỀ SAI KHÁC (PHẦN 6)

Đã nói về tướng nhân quả đối chắc chắn. Nay sẽ chính thức nói về sự sai khác của tướng quả. Quả dị thực, v.v... tướng nó thế nào? Tụng rằng:

*Pháp dị thực vô ký
Hữu tình hữu ký sinh
Đẳng lưu giống tự nhân
Ly hệ, do tuệ tận
Nếu nhân súc kia sinh
Quả này gọi sĩ dụng
Trừ pháp hữu vi trước
Quả Hữu vi, tăng thượng.*

Luận chép: Chỉ có quả dị thực ở trong pháp vô phú vô ký.

Nếu vậy, thì không phải số hữu tình cũng là dị thực chăng?

Vì muốn phân biệt nói kia nói hữu tình, vì chỉ ở hữu tình mới có dị thực.

Nếu vậy, thì nuôi lớn, đẳng lưu trong số hữu tình kia lẽ ra là dị thực?

Lại, vì phân biệt nói kia nói hữu ký sinh tất cả bất thiện, và thiện hữu lậu, vì công năng đáp dị thực, nên gọi là hữu ký. Từ lúc sau sinh kia thì dị thực mới khởi, không phải đều Vô gián, gọi là hữu ký sinh. như thế, gọi là tướng của quả dị thực.

Lẽ nào không phải dị thực, cũng dùng thể quả dị thực của vị trước làm nhân đồng loại, là vì quả đẳng lưu của dị thực trước, thì cũng phải nói từ vô ký sinh là tánh đẳng lưu. Vì sao lại gọi là từ hữu ký sinh, không phải tánh đẳng lưu?

Không có lỗi như thế, vì thể của quả dị thực do tướng của nhân

đồng loại có lộn xộn, do tướng của nhân dị thực không có lẫn lộn. Cho nên, chỉ nói từ hữu ký sinh.

Do đó, so sánh biết không phải tánh đẳng lưu, vì quả đẳng lưu tương tự với nhân, vì có lẫn lộn. Nếu quả dị thực khác với nhân, thì không có lộn xộn.

Vì sao phi tình không phải quả dị thực?

Vì nghiệp chung, nên được thọ dụng chung. Chỗ ở của Đại phạm, do các Đại phạm chiêu cảm chung.

Nơi cư trú khác, ở trong đó vì có lý thọ dụng, nên nhiều nghiệp của hữu tình, làm sao chiêu cảm chung một quả phi tình?

Một duyên nghiệp của nhân tự loại có nhiều duyên cũng không có lỗi.

Lại, thấy nghiệp ít có thể sinh quả nhiều, sao quả ít không phải do nhiều nghiệp sinh ra?

Nghiệp của nhân Năng tác, ít quả, nhiều quả đều không có trở ngại. Sức của nhân dị thực thì không như thế, vì quả chẳng phải chung, nên quả chung thường chiêu cảm, không thuận với nghĩa thành thực.

Cho nên, dị thực không gồm nhiếp phi tình. Vì giống với pháp của nhân mình, nên gọi là quả đẳng lưu, nghĩa là giống với hai nhân: đồng loại và biến hành. Như nhân đồng loại, tánh của quả đẳng lưu thiện, nhiễm, vô ký, tướng của chúng cũng vậy. Như nhân biến hành, chỉ là tánh của quả đẳng lưu nhiễm ô, tướng của chúng cũng vậy.

Lẽ nào không phải đều khởi tánh của quả sĩ dụng cũng giống với nhân mình, sao có thể nói giống với pháp của nhân mình, gọi là quả đẳng lưu?

Chẳng có quả đẳng lưu nào không giống với nhân mình, có quả sĩ dụng khác với nhân mình, nên giống với nhân mình, gọi là quả đẳng lưu, chắc chắn không có lỗi lạm quá quả sĩ dụng kia.

Lẽ nào không phải cũng có nhân khác của quả đẳng lưu như nhân biến hành đối với quả của bộ khác? Vì tánh nhiễm đồng nên gọi là giống với nhân mình.

Tánh của quả sĩ dụng có khác với nhân. Lại, giống với nhân, nghĩa là quả và nhân có đủ hai tương tự:

1. Thể.
2. Tánh.

Thể: Nghĩa là thọ, v.v... Tánh: Nghĩa là thiện, v.v... Nếu ở trong quả sĩ dụng đều có khởi, thì tánh kia dù đồng, nhưng thể là khác, vì không có hai thọ, v.v... sinh đều lúc. Nếu về sau, khởi trong quả sĩ dụng,

thì tánh và thể đều chấp nhận có khác, nên không thể gọi là quả chắc chắn giống với nhân. Tánh của quả đẳng lưu kia, sẽ giống với nhân, trong thể đó, cũng vì chấp nhận có giống nhau, nên chỉ quả này nói giống với nhân mình. Tuy nhiên, vì hai nhân này có rộng, hẹp lẫn nhau, nên kiến lập quả riêng đối lập với nhân mình đều có, sẽ vì giống nhau, nên hợp lập một.

Do pháp tận của tuệ, gọi là quả ly hệ, vì diệt nên gọi là tận, vì lựa chọn nên gọi là tuệ, tức nói trạch diệt, gọi là quả ly hệ. Do sự chọn lựa làm nhân lia các ràng buộc, vì chứng đắc Diệt này, nên gọi là quả. Nếu pháp do uy lực kia mà được sinh, thì nói pháp này gọi là quả sử dụng. Quả này có bốn thứ như trước đã nói.

Nói câu sinh: Nghĩa là cùng một lúc, lại làm pháp được sinh lẫn nhau do sức nhân.

Nói Vô gián: Nghĩa là thứ lớp sinh sau, như pháp Thế đệ nhất sinh khổ pháp trí nhãn.

Nói cách việp: Nghĩa là sinh cách giờ, như nhà nông, v.v... đối với lúa, lúa mì, v.v...

Nói bất sinh: Cái gọi là Niết-bàn, do sức của đạo Vô gián, Niết-bàn kia được sinh. Niết-bàn này đã bất sinh, làm sao có thể nói vì sức của đạo kia sinh, nên gọi là quả sử dụng?

Hiện thấy đối với đắc, cũng nói tên sinh, như nói: Cửa cải của ta sinh là nghĩa của cải mà ta được.

Nếu đạo Vô dứt quãng các tùy miên, là được chứng trạch diệt, gọi là quả ly hệ và quả sử dụng. Nếu đạo Vô gián không dứt tùy miên mà được chứng trạch diệt, thì chỉ là quả sử dụng, không phải quả ly hệ.

Trải qua các vị, nói như trong luận Thuận Chánh Lý, các pháp hữu vi, trừ sinh ở trước, là trừ quả tăng thượng của hữu vi, sẽ không có ít quả sinh ở trước. Nếu quả sinh trước thì nhân sau, sẽ vô dụng, nên pháp vị lai rốt ráo sẽ bất sinh, hai quả sử dụng, tăng thượng đều có khác nhau. Tên gọi sử dụng, chỉ đối với tác giả, tên quả tăng thượng bao gồm cả thọ giả.

Trong sáu thứ nhân đã nói ở trên, vị nào, nhân nào nhận quả, cho quả? Tụng rằng:

Năm nhận quả chỉ hiện

Hai cho quả cũng thế

Quá, hiện cho hai nhân

Một cho, chỉ quá khứ.

Luận chép: Năm nhân nhận lấy quả, chỉ ở hiện tại, chắc chắn

không phải quá khứ. Vì nhân kia đã nhận lấy, nên cũng chẳng phải vị lai, vì không có tác dụng.

Nói nhận lấy quả: là nghĩa chủ thể dẫn, gọi là dẫn vị lai, khiến cho sinh, v.v... Đối với thể loại đồng, hay làm hạt giống, đối với thể loại khác, do đồng một quả, đối với không phải một quả, do loại tánh đồng. Đối với loại tánh khác mà do có là sự nối tiếp nhau của tự mình, cho nên tất cả đều gọi là năng dẫn.

Như thế, năng dẫn, gọi là nhận lấy quả. Tác dụng lấy quả này chỉ có ở hiện tại, không phải ở quá khứ, vị lai. Chỉ hiện tại này có thể gọi là tác dụng hữu vi. Ba nhân: tương ứng, câu hữu, dị thực, đều nói là công năng, gọi là tác dụng.

Vì quả khác nhân, vì cả hai đều lúc. Nói năm: Phân biệt nhân năng tác. Nhưng nhân Năng tác, công năng lấy quả, chắc chắn chỉ hiện tại có cả quá khứ, hiện tại, nên như hai nhân: đồng loại và biến hành, chỉ không phải tất cả có quả tăng thượng, vì có thấy lấy, hoặc cho, nên ở đây không nói.

Sao nhân này chỉ hiện lấy quả?

Như cả luận này nói: Các pháp quá khứ là Đẳng vô gián, có công năng sinh hai tâm.

Nếu xuất tâm định Diệt tận, Vô tướng, do tâm nhập hai định vào lúc hiện tại, nhận lấy, thì hai định sẽ không bao giờ hiện ở trước, vì duyên Đẳng vô gián lấy, cho đều có, nên không có việc như thế. Tâm nhập hai định, chỉ thời gian hiện tại, có khả năng lấy hai định và xuất quả tâm, nhưng do hai định là đối tượng đang được mong cầu, cho nên khởi trước. Do sự mong cầu này làm chướng ngại, khiến tâm xuất định, không phải ở tâm nhập Vô gián liền khởi.

Căn cứ ở nghĩa cho quả để nói quá khứ sanh hai tâm (nghĩa này về sau sẽ phân biệt lại), nên nhân năng tác, như đồng loại, biến hành. Nói chung, lấy vị lai làm quả tăng thượng. Nhưng, hoặc có nói: Nhân Năng tác này lấy quả, cho quả, đều có cả quá khứ, hiện tại.

Về lý, không nên như vậy, vì tác dụng lấy quả, chỉ hiện hữu, nên câu hữu, tương ứng cho quả cũng vậy, chỉ ở hiện tại. Do hai nhân này, lấy quả, cho quả, vì đều lúc, nên hai nhân đồng loại, biến hành, và quả có cả quá khứ, hiện tại.

Trong nhân Năng tác, đối với có quả, nên đồng với nói này, nhưng không phải tất cả đều chấp nhận có quả, nên ở đây không nói.

Hai nhân đồng, biến có quả đẳng lưu Vô gián sinh: tức cũng vào lúc hiện tại, đối với quả Vô gián, vừa lấy, vừa cho. Quả này đã sinh, hai

nhân đã diệt, gọi là đã lấy, cho. Nếu hai nhân này đã diệt, đến quá khứ, thì quả đẳng lưu của nhân đó mới đến lúc sinh, tức là hai nhân này đối với quả của vị sinh, trước lấy, nay cho.

Nói cho quả. Nghĩa là các nhân này đang với sức sinh của người kia khiến cho sinh kia bình đẳng, nhân năng tác kia đang ở hiện tại, quả tăng thượng kia có hiện đã sinh, như nhân căn, v.v... sinh nhãn thức, v.v..., có Vô gián sinh, như pháp Thế đệ nhất, v.v... sinh khổ pháp trí nhãn, v.v... có sinh cách việt, như thuận phần giải thoát, căn thiện đồng sinh tận trí, v.v... của Bồ-đề ba thừa, có duyên, không có duyên, thiện, bất thiện, v.v..., các nhân đồng loại, thời gian lấy quả, cho quả có đồng, khác, có bốn luận chứng, v.v..., như luận Thuận Chánh Lý, nói rộng nên biết.

Dị thực cho quả chỉ ở quá khứ. Do quả dị thực không cùng có với nhân, hoặc là Vô gián.

Các sư phương Tây nói: Ngoài năm quả, có bốn quả khác:

1. Quả gia hạnh
2. Quả an lập.
3. Quả hòa hợp.
4. Quả tu tập.

Bốn quả này đều thuộc về quả sĩ dụng, tăng thượng. Do đó, nên nói: quả chỉ có năm.

Đã nói về nhân quả xong. Lại, nên tư duy lựa chọn:

Pháp nào trong đây có bao nhiêu nhân được sinh?

Nên biết pháp trong đây lược có bốn. Nghĩa là pháp nhiệm ô, pháp dị thực sinh, pháp vô lậu đầu tiên, pháp còn lại của ba pháp.

Pháp còn lại là gì?

Nghĩa là trừ dị thực, pháp vô ký còn lại, trừ vô lậu đầu tiên, các pháp thiện còn lại, bốn pháp như thế. Tụng rằng:

*Dị thực sinh, nhiệm ô
Thánh đầu khác như kế
Trừ dị thực, khắp hai
Và đồng loại khác sinh
Đây gọi tâm, tâm sở
Khác và trừ tương ứng.*

Luận chép: Các pháp nhiệm ô trừ nhân dị thực, năm nhân còn lại sinh. Do nhân dị thực đã sinh các pháp không phải nhiệm ô, nên pháp dị thực sinh, trừ nhân biến hành, năm nhân còn lại sinh, do nhân biến hành sinh ra các pháp, chỉ vì nhiệm ô. Pháp còn lại của ba pháp, mỗi

cặp trừ hai nhân dị thực và biến hành, còn lại bốn nhân sinh, vì pháp còn lại không phải tánh dị thực, và vì không phải nhiễm ô, nên pháp vô lậu đầu tiên và trừ đồng loại, nói vì làm sáng tỏ, cũng trừ hai nhân: dị thực và biến hành, ba nhân còn lại sinh, do vô lậu đầu tiên, không có pháp đồng loại sinh trước và là thiện.

Bốn pháp như thế, là nói những gì? Phải biết chỉ nói tâm và tâm sở.

Nếu vậy thì bất tương ứng hành khác và bốn pháp sắc, thì lại có bao nhiêu nhân sinh?

Như tâm, tâm sở, trừ ngoài nhân và nhân tương ứng, nên biết pháp khác từ bốn, ba, hai. Nhân khác sinh. Nghĩa là sắc nhiễm ô, bất tương ứng hành, như tâm, tâm sở, trừ nhân dị thực và nhân tương ứng. Bốn nhân còn lại, sinh dị thực, sinh sắc, bất tương ứng hành, như tâm, tâm sở, trừ nhân biến hành và nhân tương ứng, bốn nhân còn lại sinh pháp còn lại của ba pháp là, bất tương ứng hành của sắc, như tâm, tâm sở cả hai trừ hai nhân dị thực và biến hành và trừ tương ứng. Ba nhân còn lại sinh, bất tương ứng hành của sắc vô lậu đầu tiên, như tâm, tâm sở, trừ ba nhân trước và trừ tương ứng, hai nhân còn lại sinh, pháp do một nhân sinh, chắc chắn không có.

Nay, nên tư duy lựa chọn:

Trong tất cả pháp, pháp nào có công năng làm tự tánh cho bao nhiêu nhân? Nghĩa là hoặc có pháp đầy đủ công năng làm tự tánh của sáu nhân, theo thứ lớp cho đến pháp có thể làm tự tánh của một nhân.

Trong đây, có pháp đầy đủ công năng làm tánh của sáu nhân, là các pháp tâm, tâm sở biến hành bất thiện quá khứ, hiện tại, có pháp có công năng làm tánh của năm nhân, nghĩa là các bất thiện quá khứ, hiện tại, không phải tâm, tâm sở biến hành, hoặc pháp tâm, tâm sở biến hành vô ký, hoặc pháp tâm, tâm sở hữu lậu thiện, hoặc bất tương ứng hành, biến hành bất thiện.

Có pháp có công năng làm tánh của bốn nhân. Nghĩa là các pháp sắc bất thiện quá khứ, hiện tại. Hoặc tâm bất tương ứng hành, sắc hữu lậu thiện. Hoặc bất thiện, không phải biến hành, tâm bất tương ứng hành. Hoặc biến hành vô ký, bất tương ứng hành. Hoặc vô ký không phải biến hành, pháp tâm, tâm sở. Hoặc các pháp tâm, tâm sở vô lậu. Hoặc các pháp tâm, tâm sở hữu lậu thiện, bất thiện. Có pháp có công năng làm tánh của ba nhân. Nghĩa là các pháp sắc vô ký quá khứ, hiện tại. Hoặc vô ký, không phải biến hành, tâm bất tương ứng hành. Hoặc bất tương ứng hành của sắc vô lậu. Hoặc bất thiện vị lai và tâm bất

tương ứng hành của sắc hữu lậu thiện. Hoặc pháp tâm, tâm sở vô lậu, vô ký. Có pháp có công năng làm tánh của hai nhân. Nghĩa là tâm bất tương ứng hành của sắc vô lậu vô ký ở vị lai.

Có pháp có công năng làm tánh của một nhân. Nghĩa là pháp vô vi, pháp không có pháp, chẳng phải nhân có, pháp không phải quả. Như gọi là hư không và phi trách diệt. Lại, nên tư duy lựa chọn:

Tự tánh của sáu nhân như thế, đối nhau có thuận, có tạp. Lại, nhân năng tác đối với nhân Câu hữu, là thuận với câu luận sau, nghĩa là nhân Câu hữu, có xen lẫn năng tác, có Năng tác thuận tùy, chẳng phải nhân Câu hữu. Nghĩa là pháp vô vi. Lại, nhân Năng tác đối với nhân đồng loại, cũng thuận với câu sau, nghĩa là nhân đồng loại, sẽ có năng tác xen lẫn, có năng tác thuận tụy, chẳng phải nhân đồng loại. Nghĩa là các pháp vị lai và pháp vô vi. Lại, nhân năng tác đối với nhân tương ứng, cũng thuận với câu sau. Nghĩa là nhân tương ứng, sẽ Năng tác xen lẫn, có năng tác thuận tụy, không phải nhân tương ứng. Nghĩa là các pháp sắc, bất tương ứng hành và pháp vô vi. Lại, Nhân Năng tác đối với nhân biến hành, cũng thuận với câu sau, nghĩa là nhân biến hành, sẽ có Năng tác xen lẫn, có năng tác thuận tụy chẳng phải nhân biến hành, nghĩa là pháp vị lai, quá khứ, hiện tại, không phải pháp biến hành và pháp vô vi. Lại, nhân Năng tác đối với nhân dị thực, cũng thuận với câu sau. Nghĩa là nhân dị thực, sẽ có Năng tác xen lẫn, có năng tác thuận tụy, không phải nhân dị thực, là pháp vô ký và pháp vô lậu.

Nếu nhân Câu hữu đối với nhân đồng loại là thuận với câu sau. nghĩa là nhân đồng loại, thì có Câu hữu xen lẫn, có Câu hữu thuận tụy, không phải nhân đồng loại. Nghĩa là pháp vị lai. Lại, nhân câu hữu đối với nhân tương ứng cũng thuận với câu sau, nghĩa là nhân tương ứng, sẽ có Câu hữu xen lẫn, có Câu hữu thuận tụy, chẳng phải nhân tương ứng, là các pháp sắc, bất tương ứng hành. Lại, nhân Câu hữu đối với nhân biến hành cũng thuận với câu sau. Nghĩa là nhân biến hành, sẽ có Câu hữu xen lẫn, Có Câu hữu thuận tụy, không phải nhân biến hành. Nghĩa là pháp vị lai, quá khứ, hiện tại, không phải pháp biến hành. Lại, nhân Câu hữu, đối với nhân dị thực, cũng thuận với câu sau. nghĩa là nhân dị thực, thì có Câu hữu xen lẫn, có câu hữu thuận tụy, không phải nhân dị thực, nghĩa là các pháp vô lậu vô ký trong hữu vi.

Nếu nhân đồng loại, đối với nhân tương ứng, nên có bốn trường hợp:

1. Trường hợp thứ nhất. Nghĩa là bất tương ứng hành của sắc quá khứ, hiện tại.

2. Trường hợp thứ hai. Nghĩa là pháp tâm, tâm sở của đời vị lai.

3. Trường hợp thứ ba. Nghĩa là pháp tâm, tâm sở của đời quá khứ, hiện tại.

4. Trường hợp thứ tư. Nghĩa là bất tương ứng hành của sắc vị lai và pháp vô vi.

Lại, nhân đồng loại đối với nhân biến hành, là thuận với câu sau. Nghĩa là nhân biến hành sẽ, là đồng loại xen lẫn, có đồng loại thuần túy, không phải nhân biến hành. Nghĩa là đời quá khứ, hiện tại không phải pháp biến hành.

Lại, nhân đồng loại đối với nhân dị thực, nên có bốn trường hợp:

1. Trường hợp thứ nhất: là pháp vô lậu, vô ký quá khứ, hiện tại.

2. Trường hợp thứ hai: là bất thiện vị lai và pháp hữu lậu thiện.

3. Trường hợp thứ ba: là bất thiện quá khứ, hiện tại và pháp hữu lậu thiện.

4. Trường hợp thứ tư: là vô lậu, vô ký đời vị lai và pháp vô vi.

Nếu nhân tương ứng đối với nhân biến hành, thì nên có bốn trường hợp:

1. Trường hợp thứ nhất. Nghĩa là pháp tâm, tâm sở đời vị lai, quá khứ, hiện tại không phải pháp tâm, tâm sở biến hành.

2. Trường hợp thứ hai. Nghĩa là bất tương ứng hành, biến hành quá khứ, hiện tại.

3. Trường hợp thứ ba. Nghĩa là pháp tâm, tâm sở biến hành quá khứ, hiện tại.

4. Trường hợp thứ tư. Tất cả bất tương ứng hành vị lai của các pháp sắc, quá khứ, hiện tại không phải bất tương ứng biến hành, và pháp vô vi.

Lại, nhân tương ứng đối với nhân dị thực, cũng có bốn trường hợp:

1. Các pháp tâm, tâm sở vô lậu, vô ký.

2. Bất tương ứng hành của sắc hữu lậu thiện, bất thiện.

3. Các pháp tâm, tâm sở hữu lậu thiện, bất thiện.

4. Bất tương ứng hành của sắc vô lậu, vô ký và pháp vô vi.

Nếu nhân biến hành đối với nhân dị thực, nên có bốn trường hợp:

1. Pháp biến hành vô ký quá khứ, hiện tại.

2. Bất thiện vị lai và pháp hữu lậu thiện, bất thiện, hữu lậu thiện quá khứ, hiện tại, không phải pháp biến hành.

3. Pháp biến hành bất thiện quá khứ, hiện tại.

4. Pháp vô lậu, vô ký của đời vị lai, vô ký, vô lậu quá khứ, hiện tại, không phải pháp biến hành và pháp vô vi.

Lại, nên tư duy lựa chọn:

Sự sai khác của các môn sắc, phi sắc, v.v... của sáu nhân như thế. Nghĩa là tương ứng, biến hành trong sáu nhân, hai nhân không phải sắc, bốn nhân còn lại, có cả sắc, phi sắc, có thấy, không có thấy, có đối, không có đối, nên biết cũng vậy. Lại, trong sáu nhân, chỉ có nhân tương ứng, chỉ có pháp tương ứng, số nhân còn lại, có cả pháp bất tương ứng và tương ứng. Có chỗ dựa, không có chỗ dựa, có phát ngộ, không có phát ngộ, có hành tướng, không có hành tướng, có đối tượng duyên, không có đối tượng duyên, nên biết cũng như vậy. Hai nhân biến hành và dị thực trong sáu nhân chỉ có hữu lậu, bốn nhân còn lại, có cả hữu lậu và vô lậu. Lại, một nhân Năng tác trong sáu nhân có cả hữu vi, vô vi, năm nhân còn lại, hoàn toàn là hữu vi.

Lại, một nhân biến hành trong sáu nhân chỉ là nhiễm, năm nhân còn lại, có cả nhiễm và bất nhiễm, có tội, không có tội, đen, trắng, hữu phú, vô phú, thuận với lui sụt, không thuận với lui sụt, nên biết cũng như vậy.

Lại, một nhân dị thực trong sáu nhân, chỉ có dị thực, năm nhân còn lại, có cả có dị thực, và không có dị thực.

Lại, một nhân Năng tác trong sáu nhân, có cả ba đời, không phải thế gian. Ba nhân: Câu hữu, tương ứng và dị thực, đều có khắp ba đời, hai nhân đồng loại, biến hành chỉ có ở quá khứ và hiện tại.

Lại, một nhân biến hành trong sáu nhân, có cả bất thiện, vô ký, một nhân dị thực, có cả thiện, bất thiện, bốn nhân còn lại, đều có cả ba tánh.

Lại, dị thực và biến hành trong sáu nhân, lệ thuộc cả ba cõi, bốn nhân còn lại, lệ thuộc cả ba cõi, và có cả không lệ thuộc.

Lại, hai nhân dị thực, biến hành trong sáu nhân, chỉ là Phi học, Phi vô học, bốn nhân còn lại, đều có cả ba thứ.

Lại, một nhân biến hành trong sáu nhân, chỉ do kiến dứt, một nhân dị thực, có cả kiến, tu dứt, bốn nhân còn lại, có cả kiến, tu dứt và không phải đối tượng dứt.

Lại, một nhân Năng tác trong sáu nhân, gồm thâu cả bốn đế và không phải đế. Hai nhân dị thực, biến hành, chỉ gồm nhiếp khổ đế và tập đế, ba nhân còn lại, thuộc về cả ba đế khổ, tập, đạo.

Lại, tương ứng, biến hành trong sáu nhân, chỉ gồm nhiếp bốn uẩn, ba nhân: Câu hữu, đồng loại, dị thực, gồm thâu cả năm uẩn. Một nhân

Năng tác, gồm thân cả năm uẩn và không phải uẩn.

Lại, tương ứng, biến hành trong sáu nhân, gồm nhiếp ý, pháp, xứ, một nhân dị thực thuộc về bốn xứ: sắc, thanh, ý, pháp, ba nhân còn lại, thuộc về mười hai xứ.

Lại, một nhân biến hành trong sáu nhân, thuộc về ý, pháp, ý thức ba cõi, một nhân tương ứng, thuộc cả giới bảy tâm, giới pháp. Một nhân dị thực có cả giới sắc, thanh và thuộc về giới bảy tâm, giới pháp. Ba nhân còn lại, thuộc về mười tám giới.

Các tướng khác nhau của nhân quả này, v.v..., không phải đáng Nhất thiết trí, không ai có khả năng biết khắp, đã thuận theo tuệ giác mà chúng ta đã vận hành.

Trong nghĩa nhân, quả đã lược nói về tướng nhân quả đó. Vì muốn hiểu rõ sáng suốt nên lại tư duy, lựa chọn các duyên.

Thế nào gọi là các duyên? Tụng rằng:

*Nói có bốn thứ duyên
Nhân duyên, tánh năm nhân
Đẳng Vô gián, không sau
Tâm, tâm sở đã sinh
Sở duyên, tất cả pháp
Tăng thượng, tức năng tác.*

Luận chép: Ở chỗ nào nói? Tức là trong kệ kinh, như trong kệ kinh nói: Tánh của bốn duyên. Là tánh nhân duyên, tánh duyên Đẳng vô gián, tánh duyên sở duyên, tánh duyên tăng thượng.

Tánh duyên trong đây, tức là bốn duyên, như bốn chỗ cư trú, tức tính chất cư trú. Vì biểu thị rõ chủng loại, nên gọi là tánh, ý các duyên, tùy theo sự sai khác, có vô lượng thể, nhưng, bao gồm nghĩa duyên kia, đều xếp vào bốn chủng loại: Nghĩa là tất cả duyên đều không vượt qua tánh này.

Trong sáu nhân, trừ nhân Năng tác, năm nhân còn lại là tánh nhân duyên, như ở luận này đã nói: “Thế nào gọi là nhân duyên? Nghĩa là tất cả các pháp hữu vi”.

Vì luận không nói, cũng thuộc về vô vi, nên lập năm nhân làm tánh nhân duyên.

Vì sao vô vi không lập nhân duyên?

Câu hỏi này, như trước đã giải thích: “Chỉ không có chướng ngại trụ, nên lập nhân Năng tác, không gồm nhiếp nhân khác. Mặc dù tánh các pháp vốn có, chẳng phải không có, nhưng tác dụng thành, thì phải đợi sức nhân, như thể của các sắc tạo, vốn chẳng phải không có, mà

dụng công thành, thì nhân đại chủng”.

Vô vi vượt hơn trong nhân: Nhân là chỉ cho năm nhân, như nhân sắc tạo, vô vi vượt hơn, nghĩa là không có năm nhân. Không phải về sau, đã sinh pháp tâm, tâm sở, tất cả nói chung, là Đẳng Vô gián duyên, nghĩa là trừ tâm, tâm sở sau cùng của A-la-hán, các pháp khác, đã sinh pháp tâm, tâm sở, đều là Đẳng Vô gián duyên. Vì phân biệt vị lai và pháp vô vi, nên nói lời đã sinh, vì phân biệt các sắc, bất tương ứng hành, nên nói tâm, tâm sở.

Vì sao duyên Đẳng vô gián chỉ có tâm, tâm sở?

Vì tâm, tâm sở này tương ứng với nghĩa duyên Đẳng vô gián, vì tâm, tâm sở này duyên sinh pháp bình đẳng mà Vô gián, nên y cứ ở nghĩa này mà đặt danh từ duyên Đẳng vô gián, nghĩa là vì một nối tiếp nhau, sẽ không có đồng loại và hai pháp cùng sinh, nên gọi là đẳng. Duyên này đối với quả, vì không bị ngăn cách ở trung gian của pháp đồng loại, nên gọi là Vô gián.

Nếu nói quả này vì nối tiếp nhau sinh Vô gián, nên gọi là Vô gián, thì khi xuất tâm như Vô tướng, v.v... đối với ở trước, lẽ ra chẳng phải Vô gián? Hoặc không có các pháp, ở trung gian khởi, gọi là Đẳng Vô gián, là trung gian của hai không chấp nhận được có nghĩa các pháp sinh. Hoặc phẩm tâm, tâm sở cùng sinh trước, cùng Vô gián làm duyên cho phẩm sau, không phải chỉ đồng loại, gọi là Đẳng vô gián.

Vì sao pháp tâm, tâm sở của một thân, không có hai thể đồng loại đều có sinh?

Vì duyên Đẳng vô gián không có cái thứ hai.

Vì sao không có hai duyên Đẳng vô gián?

Vì mỗi hữu tình, đều có một tâm chuyển.

Vì sao mỗi hữu tình chỉ một tâm chuyển. Tâm đối với cảnh khác, vì đang rong ruổi, phân tán, vì không biết rõ trong cảnh khác nữa. Lại, khi tâm định chuyên chú một cảnh, vì tâm phân tán ở cảnh khác, sẽ bất sinh. Lại, một nối tiếp nhau, nếu có nhiều tâm thì lẽ ra không ai có khả năng điều phục tâm. Lại, nếu một thân, nhiều tâm cùng khởi, vì cảnh đều khác nhau, hay vì tương ứng chung? Nếu tương ứng chung, thì một cảnh, một tướng, không có sai khác, nên cùng khởi là luống uổng. Nếu cảnh đều khác nhau, tức nhiễm, tịnh, thiện, ác cùng sinh, thì không có giải thoát.

Lại, có, chí giáo chứng minh một hữu tình, chỉ có một tâm nối tiếp nhau mà chuyển. Nghĩa là kế kinh nói: Khi chấp nhận lạc thọ, hữu tình kia, bấy giờ, có hai thọ cùng diệt. Lại kế kinh nói: Tâm vận hành

riêng, làm sao biết chắc chắn pháp tâm, tâm sở lúc sinh, phải nhờ vào duyên Đăng vô gián?

Do khế kinh nói: Và hữu tình kia có khả năng sinh tác ý đang khởi, hiện thấy định tuệ giác, vì tuệ giác làm trước, nên sinh. nếu khác với tuệ giác này, thì làm sao có thể ngăn dứt? Hữu tình, vốn là không có thì này đột nhiên khởi!

Tâm, tâm sở ở sau cuối của A-la-hán. vì sao nói không phải duyên Đăng vô gián?

Do A-la-hán kia không thể dẫn dắt quả sau, lại A-la-hán này vì sao không dẫn dắt quả? Là do khả năng hay vì duyên khác thiếu vào lúc bấy giờ? Chấp nhận vì duyên khác thiếu, nên thức sau bất sinh, có công năng dẫn dắt quả sau, điều này có lỗi gì?

Nếu có công năng dẫn dắt đến quả sau, thì nên như vị trước, pháp tâm, tâm sở, cũng có công năng cho quả. Nếu duyên thiếu, thì nghĩa cho quả không có, lẽ ra do thiếu duyên, không thể do công năng lôi kéo đến quả. Hoặc khi đang diệt, pháp tâm, tâm sở có công năng dẫn dắt, công năng cùng với xứ pháp Đăng vô gián của vị đang sinh, gọi là duyên Đăng vô gián. Các tâm, v.v... sau cùng của A-la-hán, ở vị đang diệt, vì không có pháp Đăng vô gián đang sinh, nên không thể gọi là duyên Đăng vô gián.

Nếu vậy, thì Vô tướng và pháp tâm, tâm sở trước của hai định, đối với vị đang diệt, không có tâm, tâm sở trong vị đang sinh, nên không thể gọi là duyên Đăng vô gián, vì định kia sẽ sinh, cũng được gọi là Đăng vô gián, bất tương ưng, ngăn cách không được, sinh ngay, tức định, sẽ sinh, nói sinh không có lỗi.

Nhân đồng loại., v.v... nhận lấy quả không nhất định, thành thử không nên so sánh nhân kia với nhân này.

Vì sao pháp tâm, tâm sở vị lai, hoàn toàn không cho lập duyên Đăng vô gián?

Vì duyên Đăng vô gián trước, sau đã rõ ràng, còn vị lai vẫn chưa chắc chắn trước sau.

Nếu duyên Đăng vô gián kia đã chắc chắn trước, sau, để tu chánh gia hạnh thì sẽ thành luống uổng..

Nhân quả dị thực dù trước, sau chắc chắn, nhưng y cứ vào tướng để lập, không y cứ trước, sau, nên có ở cả vị lai, do đó, không thể so sánh.

Nếu đời vị lai không nhất định trước, sau, thì làm sao Đức Thế tôn đáp thời phần đương lai?

Vì dụng đức của Chư Phật không thể nghĩ bàn, nhân quả đã từng, hay đương lai, đều có thể hiện thấy.

Có nói: Trong thân hữu tình hiện tại, đều có tướng trước của nhân quả vị lai. Đức Phật nhân quán tướng này, liền biết vị lai, chứng thấy rõ ràng, không phải Phật dùng trí đoán tướng. Đối với các cảnh giới, vô số phiền não có chôn hiện nhân, mới có khả năng chứng kiến, không phải đấng Nhất thiết trí ấy không có chỗ hiện nhân mà đối với cảnh sắc, v.v... có thể có tác dụng.

Vì sao các sắc, bất tương ứng hành, đều không kiến lập duyên Đẳng vô gián?

Vì trong một thân, đồng loại đều khởi, hoặc nhiều, hoặc ít không phải Đẳng vô gián.

Nếu vậy, thì mạng căn sẽ không có hai đều khởi, sao không thừa nhận ủy thác duyên Đẳng vô gián?

Vì sức nghiệp đời trước sinh, không phải do mạng ở trước dẫn phát. Mặc dù tâm, tâm sở có nghiệp trước sinh, mà ký gửi vào cảnh, căn, nhưng không thể vì lệ ước đó mà không chắc chắn là dị thực sinh. Do vậy, Tỳ-bà-sa nói: Tâm, tâm sở dựa vào duyên hành tướng đều có bố buộc, trở ngại.

Do đó, nên lập duyên Đẳng vô gián. Sắc bất tương ứng không có việc như thế. Không phải chỉ mở ra, và tránh né kiến lập duyên này, mà cũng y cứ ở sự dẫn dắt sinh để lập thể duyên này, nên vật thể cực vi, v.v... dù tránh ở trước, về sau, mới được sinh, mà không phải duyên này. Tâm bình đẳng sinh nhau có định và bất định, nên biết cũng y cứ Có sức dẫn dắt sinh. định, bất định này như trong luận Thuận Chánh Lý.

Các tâm, tâm sở tự sức nhân sinh, Vô gián trước diệt, có tác dụng gì?

Nghĩa là các căn, cảnh dù hiện hòa hợp, mà vì không có đồng loại thức, v.v... đều sinh, nên biết được vị Vô gián diệt của tâm trước, Có sức lôi kéo tâm sau, v.v... khiến cho sinh. Sắc bất tương ứng không có việc như thế. Như nói: Thế nào là pháp Đẳng vô gián của tâm? Nghĩa là tâm Vô gián, pháp tâm, tâm sở khác, đã sinh, đang sinh và định Vô tướng, cho đến nói rộng.

Nói đã sinh ở đây, là gồm nhiếp thời quá khứ, hiện tại, nói chúng sinh, là gồm nhiếp thời gian sinh ở vị lai.

Nếu vậy thì niệm thứ hai, v.v... định và tâm xuất định không phải tâm Đẳng vô gián, nhập tâm Vô gián, vì tâm kia chưa sinh, tâm kia về sau, khi đang sinh, gọi là tâm Đẳng vô gián, vì trung gian không cách

ngăn duyên Đẳng vô gián, nên sau đối với trước cũng gọi Vô gián. Lại, sẽ khởi, cũng gọi khi sinh, vì quả đã bị lấy đi rồi, thì sẽ sinh.

Nếu vậy thì trái bỏ vẫn luận kiến uẩn, như người kia hỏi: Nếu pháp làm duyên Đẳng vô gián cho pháp kia, đôi khi pháp này và pháp kia không phải Đẳng vô gián?

Người kia liền đáp: Hoặc pháp này chưa đến lúc đã sinh, đâu có trái bỏ gì?

Đẳng Vô gián, chắc chắn phải đến đã sinh, nhưng ở trong đây, có hai giải thích đều không có trái bỏ:

Nếu pháp này chưa đến lúc đã sinh, thì pháp này là gì? Là trước hay sau? Như pháp Thế đệ nhất sinh khổ pháp trí nhãn, là pháp Thế đệ nhất khi chưa đến đã sinh, không làm Đẳng vô gián cho khổ pháp trí nhãn.

Nếu đến vị đã sinh, là Đẳng vô gián, hay là khổ pháp trí nhãn?

Khi chưa đến vị đã sinh, có làm Đẳng vô gián hay chăng?

Nếu người chấp là trước, với vị có tâm, thì có thể như vậy.

Vị không có tâm như thế nào?

Nghĩa là định vô tâm, nhập tâm rồi sinh, không thể làm Đẳng vô gián cho niệm thứ hai, v.v... tâm định và xuất.

Nếu nhập tâm định, đến vị đã sinh, tức làm Đẳng vô gián cho các pháp kia. Nghĩa là pháp của duyên Đẳng Vô gián bị nhận lấy, sẽ không vật nào có thể ngăn ngại sự sinh kia, thì tất cả pháp ấy đều nên khởi tức khắc.

Nếu sau nhập tâm, tâm xuất liền sinh, tức là hai định không bao giờ khởi.

Nếu chấp là sau, nghĩa là khi khổ pháp nhãn chưa đã sinh, nên không làm Đẳng vô gián cho pháp Thế đệ nhất kia. Nhưng lẽ ra phải thừa nhận khổ pháp trí nhãn vào lúc đang sinh, tức gọi là Đẳng vô gián cho pháp Thế đệ nhất kia.

Một loại trong đây thừa nhận có thể chấp ở trước, nhưng vì văn kiến uẩn y cứ ở vị có tâm, để nói duyên Đẳng vô gián, nên không có lỗi ở trước.

Hoặc nói: Nếu nói theo vị vô tâm, thì lỗi này cũng sẽ không có, nghĩa là tâm nhập định ở vị hiện tại, nhận lấy tức khắc các định và quả của tâm xuất, cũng cho quả định của sát-na đầu tiên, diệt nhập quá khứ, thuận theo các định sau và tâm xuất định, khi mỗi định sinh là cho quả, không phải lấy trước, vì đã lấy.

Lẽ nào không phải tất cả duyên Đẳng vô gián, không có lúc khác

để lấy quả, cho quả hay sao?

Lời vấn nạn này phi lý, vì lấy quả, thì phải ngay tức khắc, còn cho quả thì có khi dần dần, nên không có lỗi, chỉ nên vấn nạn: Đồng là một quả tâm, vì sao các tâm định và xuất định, sinh trước sau, không khởi cùng lúc?

Người chánh mong cầu thì về lý sẽ sinh trước, nghĩa là tâm nhập định, thuận cầu ở định, nên tâm Vô gián định sẽ sinh trước.

Nếu vậy, thì vì sao các sát-na định khởi trước, sau?

Các định sát-na cùng sinh, vì không có tác dụng, nên không đều sinh, do thế lực gia hạnh trước đã dẫn, nên nhiều niệm, định, nối tiếp nhau sinh trong thời gian dài, không phải định nhiều sát-na cùng khởi tác dụng, vì định một sát-na không thể làm, nên bất sinh tức khắc, cũng như thức, v.v..., nhưng các niệm, định là Đẳng vô gián, không thể gọi là duyên Đẳng vô gián.

Nếu pháp do tâm, v.v... trước dẫn khởi, thì đồng một chủng loại, sẽ không cùng sinh. Sinh rồi, lại có thể dẫn sinh sau, khiến khởi, có thể gọi là Đẳng Vô gián và duyên Đẳng vô gián.

Các định dù do tâm, v.v... trước đã dẫn sinh, đồng một chủng loại, sẽ không đều sinh, nhưng sự sinh của định kia đã không thể dẫn sinh sau, có thể gọi Đẳng vô gián, không phải duyên Đẳng vô gián.

Cho nên, nếu y cứ ở vị vô tâm để nói về cũng không có lỗi.

Các nói: Tâm nhập hai định, diệt nhập quá khứ, mới có thể lấy dần dần niệm thứ hai, v.v... tâm định và xuất.

Tâm nhập định kia, lẽ ra chẳng phải quá khứ. Luận về lấy quả: là công năng dẫn đến quả, các công năng dẫn đến quả là tác dụng của hành, dựa vào tác dụng của hành, để lập ba đời khác nhau.

Nếu có tác dụng không phải hiện tại, há không là hủy hoại chỗ dựa riêng của thế gian hay sao?

Có giải thích: Mắt quá khứ, v.v... đối với các cảnh như sắc, v.v..., không có thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm giác, v.v..., đều có tác dụng riêng, nên không phải hiện tại.

Cách giải thích kia không đúng, nên vì xem xét chung, chắc chắn tác dụng của mắt, v.v..., là công năng thấy, v.v... đối với cảnh, hay là tác dụng dẫn dắt đến quả?

Nếu là công năng thấy, v.v... đối với cảnh, thì mắt, v.v... hiện tại ở trong bóng tối, mắt, v.v... chưa sinh đã diệt, đâu có khác mà không thể gọi là vị lai, quá khứ?

Mắt, v.v... trong bóng tối, dù không có tác dụng thấy, nghe, ngửi,

nắm, v.v... mà đều hiện có, công năng dẫn sinh quả, có thể gọi là tác dụng, y cứ ở tác dụng này đều gọi là hiện tại. Đối với chỗ khác giữ lấy cảnh cùng với dụng của quả, v.v... đều không phải tác dụng, chỉ là công năng.

Công năng như thế, cả ba thời phần đều chấp nhân có. Nói về ba đời xứ, sẽ tư duy lựa chọn đủ.

Lại, các tâm, tâm sở đời quá khứ, đối với đối tượng duyên, v.v..., vì không thể bị trở ngại, nên không thể tạo ra duyên nhận lấy quả này.

Lại, có một loại thừa nhận chấp là sau:

Lẽ nào không phải khổ pháp trí nhẫn khi ở chánh sinh, tức là Đẳng vô gián cho pháp Thế đệ nhất, về lý, thật ra nên như thế. Nhưng trong đây nói duyên Đẳng vô gián, phải là đến rồi sinh, duyên này mới lập, nên không có lỗi.

Hai giải thích như thế, là nói chưa đã sinh, đều không trái bỏ đối với tông nghĩa của ta.

Tánh của duyên sở duyên, tức tất cả pháp, lia ngoài cảnh đối tượng duyên theo tâm, tâm sở, thì chắc chắn không còn pháp nào để được, vì tất cả pháp là tâm, tâm sở, vì đối tượng vịn lấy, nương dựa, nên gọi là đối tượng duyên, tức đối tượng duyên này là tâm, tâm sở, vì phát sinh duyên, nên gọi là duyên sở duyên.

Tất cả pháp: tức mười hai xứ. Nghĩa là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thức và pháp tương ứng, tùy theo sáu thức đó, dùng các sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp làm cảnh của đối tượng duyên. Sáu căn chỉ là đối tượng duyên của ý thức?

Làm sao biết được?

Kinh nói: Vì nhiều pháp sinh ý thức. Lại, căn mắt, v.v... đều không phải cảnh thuộc về năm thức, vì sở tri của đối tượng nhận thức cùng khắp các pháp, nên đối tượng duyên của năm thức chỉ là thật, không phải giả, đối tượng duyên của ý thức có cả giả, thật, đối tượng duyên của các tâm, tâm sở là có, chẳng phải không bác bỏ tông khác, như luận Thuận Chánh Lý, nhưng cảnh của đối tượng duyên theo tâm, tâm sở, là định tức nghĩa là nhãn thức, v.v... đối với sắc ở đối tượng duyên, cho đến ý thức, v.v... đối với các pháp ở đối tượng duyên, tâm, tâm sở này, đối với định nơi đối tượng duyên, là xứ, loại, hay căn cứ ở sát-na?

Có nói: Căn cứ ở xứ. Nghĩa là nhãn thức, v.v... chỉ duyên theo xứ sắc. Pháp khác, tùy theo đối tượng thích ứng, đều gọi là cảnh của chính mình. Chớ cho rằng đối với một cảnh, nhiều tâm, tâm sở, vì trụ pháp bất sinh, nên pháp khác chẳng phải định. Vả lại, nhãn thức, v.v... đối với

các sắc, hễ gặp sắc nào, thì khởi duyên sắc đó.

Nếu vậy, làm sao nhận biết thể của sắc màu xanh, vàng, v.v... không lẫn lộn? Và tránh khỏi được sai lầm này?

Nói y cứ xứ, loại, không phải y cứ sát-na.

Nếu vậy, thì làm sao nhận biết thể của sắc xanh, vàng, v.v... Không lẫn lộn?

Như thế, nên nói ba pháp: xứ, loại, sát-na đều chắc chắn.

Lẽ nào không phải một cảnh, nhiều tâm, tâm sở, trụ pháp bất sinh, điều này không có lỗi?

Thế gian vị lai rộng, lẽ nào chấp nhận? Lại, tâm, tâm sở đối với đối tượng duyên của mình, sau đối tượng nhận biết ở trước, có thể thuận theo nhớ nghĩ. Vả lại, cảnh của năm thức, v.v..., ý thức đều thuận theo nhớ nghĩ, năm thức đều không thể thuận theo nhớ nghĩ, vì duyên một niệm của cảnh biết rõ trước, không có phân biệt.

Ý có hai thứ: Nhiễm, bất nhiễm, hễ giác biết một rõ, thì sẽ nhớ nghĩ được cả hai. Lại nữa, có ba thứ: thiện, nhiễm, vô ký, hễ biết rõ một, thì sẽ nhớ nghĩ được cả hai. Lại, có bốn thứ: thiện, bất thiện, hữu phú vô ký và vô phú vô ký, hễ biết một rõ, thì sẽ nhớ nghĩ cả bốn công năng. Lại có năm thứ: kiến khổ dứt, cho đến tu dứt. Kiến khổ, kiến tập và tu dứt, hễ biết rõ một, thì sẽ nhớ nghĩ được cả năm. Do kiến diệt, kiến đạo dứt biết rõ, bốn công năng tùy theo nhớ nghĩ, đều trừ một người khác, nói rộng cho đến mười hai thứ: Cõi dục bốn, mỗi cõi trên đều ba và Hữu học và Vô học.

Thiện cõi Dục, biết rõ, mười hai công năng tùy theo nhớ nghĩ. Sắc bất thiện, thiện biết rõ cũng vậy. Phú, vô phú vô ký cõi Dục biết rõ, tám công năng tùy theo nhớ nghĩ, trừ hữu phú cõi Sắc và ba ở Vô sắc. Phú cõi Sắc biết rõ, mười công năng tùy theo nhớ nghĩ, trừ hữu phú, vô phú vô ký cõi Dục. Thiện cõi Vô sắc biết rõ cũng vậy.

Biết rõ vô phú vô ký cõi Sắc, mười công năng tùy theo nhớ nghĩ, trừ hữu phú vô phú cõi Vô sắc.

Biết rõ hữu phú vô phú cõi Vô sắc, chín công năng tùy theo nhớ nghĩ, trừ hữu phú cõi Dục và vô phú cõi Dục cõi Sắc.

Hữu học biết rõ, mười một thuận theo nhớ nghĩ, trừ hữu phú cõi Dục. Vô học biết rõ pháp lui sụt như Hữu học. Nếu pháp bất thoái, thì bảy công năng thuận theo nhớ nghĩ, trừ Hữu học và trừ bốn nhiễm của ba cõi.

Sự sai khác của các môn của hai mươi tâm, v.v..., biết rõ, thuận theo nhớ nghĩ, như lý, nên tư duy.

Tánh của duyên tăng thượng, tức nhân Năng tác, do nhân năng tác, vì nghĩa nhân nhỏ nhiệm, vì không có biên hạn, nên gồm nhiếp tất cả pháp. Như ở đây, ở kia không ngăn ngại, khiến sinh, là nhân năng tác.

Nghĩa của duyên tăng thượng, đối với nghĩa của ba duyên, loại này có rất nhiều, vì được tạo tác thật nhiều, nên gọi là tăng thượng.

Lẽ nào không phải tăng thượng gồm nhiếp pháp phổ biến, đâu lại đối với ba duyên?

Nói tăng thượng ở đây, không phải đối với thể, của ba duyên đặt tên gọi tăng thượng.

Đối với nghĩa tác dụng của ba duyên mà lập là sao?

Nghĩa tác dụng của các duyên, giúp đỡ mà không chung nhau, thể tánh của các duyên lại xen lẫn nhau, như loại nghĩa duyên tăng thượng thì vô lượng, với đối tượng tạo tác rất nhiều và, rộng, vì ba duyên còn lại, không như vậy, nên ở đây, chỉ nêu duyên tăng thượng, để gọi là gồm nhiếp năm nhân và tánh của ba duyên. nghĩa không gồm nhiếp.

Lập nhân Năng tác và duyên tăng thượng, do loại nghĩa của hai thứ này rất rộng, nên đặt tên chung. Ví như hành uẩn, pháp giới, pháp xứ, pháp bảo, pháp quy, pháp niệm trụ, v.v...

Có sư khác nói: Vì loại thể của duyên tăng thượng này rất nhiều, nên gọi là tăng thượng.

Tánh của duyên sở duyên dù cùng khắp các pháp, mà tạo ra đối tượng duyên không chung với Câu hữu, vì vị hẹp, nên phát ra danh từ tăng thượng.

Có sư khác lại nói: Vì đối tượng sinh rộng, nên gọi là duyên tăng thượng, nghĩa là tất cả pháp chỉ trừ tự thể khắp chủ thể sinh khởi tất cả hữu vi, như vị sinh của nhãn thức trong một sát-na, trừ tác dụng tự tánh của nó, tất cả pháp là duyên tăng thượng, sự sinh khác cũng vậy.

Thể, dụng của duyên này, dung lượng nó vô biên, như trong kệ kinh nói: tự pháp của thế gian có ba tăng thượng, nghĩa là dứt điều ác, làm việc thiện, vì nhân của đối tượng quán, nên đặt tên tăng thượng: nghĩa là cảnh hiện tiền, phiền não sắp khởi, thuận theo quán phiền não kia, dứt một điều ác, làm một việc thiện, đối với hành thiện, dứt ác mà được tăng thượng.

Kệ kinh lại nói: Tăng thượng có ba, không phải khác, trong pháp khác, không có nghĩa tăng thượng.

